TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HS-ST
Ngày: 24 - 7 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Hùng

Ông Nguyễn Trần Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Liêng Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Võ Tấn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2024/HSST, ngày 10 tháng 05 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Tăng Văn L, sinh ngày 12/02/1983 tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Nơi cư trú: số F đường B, tổ B, khu phố A, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng T, sinh năm 1951 (đã chết) và bà Văn Huệ K, sinh năm 1953; bị cáo có vợ và có 03 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/8/2023 đến ngày 17/8/2023 chuyển sang tạm giam, đến ngày 26/12/2023 bị cáo chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm và cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ Trương Thị Quỳnh M, sinh ngày 03/11/1997 tại tỉnh Sóc Trăng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số A huyện L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nơi tạm trú: số A T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: số F đường B, tổ B, khu phố A, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí

Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn N, sinh năm 1952 và bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1963; bị cáo có chồng và có 03 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/8/2023 đến ngày 17/8/2023 bị cáo chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3/ Trần Quốc T1,sinh ngày 25/03/1987 tại tỉnh Sóc Trăng. Nơi ký hộ khẩu thường trú: số A huyện L, ấp C, thị trấn M, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: số B ấp C, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T2, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ánh N1, sinh năm 1964; bị cáo không có vợ và có 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/9/2023 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4/ Văn Mỹ N2,sinh ngày 01/11/1988 tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: số B B, phường A, quận F, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Tuấn K1, sinh năm 1961 và bà Cù Thị N3, sinh năm 1964 (đã chết); bị cáo không có chồng và có 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/9/2023 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5/ Huỳnh Văn T3,sinh ngày 01/01/1983 tại tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Khmer; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh K2, sinh năm 1957 và bà Ngô Thị Ử, sinh năm 1951; bị cáo có vợ và có 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/8/2023 đến ngày 17/8/2023 chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Hà Thị Kim C, sinh năm 1990. Nơi cư trú: khóm C, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/ Chị Lại Thị Hồng H1, sinh năm 1997. Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3/ Chị Dương Thị Tú P, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4/ Chị Bùi Ngọc T4, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Số B đường B, phường A, quận F, thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5/ Chị Kim Ngọc Yến V, sinh năm 2005. Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1996, nơi cư trú khóm A, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh đến Công an huyện D trình báo với nội dung: Vào ngày 22/12/2022, anh Nguyễn Trường G đang ở ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh thì nhận được lời mời kết bạn từ tài khoản Zalo có tên Huỳnh Văn T3, nhằm tưởng tài khoản Z mới Huỳnh Văn T3 là bạn của anh G nên anh G đồng ý kết bạn. Sau đó, tài khoản Zalo Huỳnh Văn T3 nhắn tin mượn số tiền 8.000.000 đồng và yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản 1021440719 và anh G đã chuyển số tiền trên vào tài khoản 1021440719 của T3. Sau đó, anh G phát hiện bị lừa đảo nên đến trình báo với Công an huyện D.

Qua xác minh xác định tài khoản 1021440719 là do Huỳnh Văn T3, sinh năm 1983, nơi cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng mở tại Ngân hàng V3 - Chi nhánh tỉnh S và đăng ký smartbanking sim số 0377.766.997 nhưng T3 không sử dụng tài khoản này mà cho vợ chồng Tăng Văn L và Trương Thị Quỳnh M thuê với số tiền 1.500.000 đồng/tháng.

Quá trình điều tra xác định, vào cuối năm 2021, Tăng Văn L quen biết với người bạn mang quốc tịch Singapore, có tên thường gọi là P1, qua trao đổi P1 kêu vợ chồng Tăng Văn L và Trương Thị Quỳnh M mở tài khoản ngân hàng và tìm người mở tài khoản ngân hàng để thuê rồi cho P1 thuê lại với giá từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tài khoản ngân hàng/tháng thì vợ chồng L và M đồng ý.

Thông qua nhiều mối quan hệ bạn bè, họ hàng, vợ chồng L và M đã liên hệ với Huỳnh Văn T3, Văn Mỹ N2, Trần Quốc T1, chị Hà Thị Kim C, sinh năm 1990, nơi cư trú khóm C, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; chị Lại Thị Hồng H1, sinh năm 1997, nơi cư trú ấp T, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; chị Dương Thị Tú P, sinh năm 1988, nơi cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; chị Bùi Ngọc T4, sinh năm 1989, nơi cư trú số B đường B, phường A, quận F, thành phố Hồ Chí Minh; chị Kim Thị Yến V1, sinh năm 2005, nơi cư trú ấp P, xã T, huyện

M, tỉnh Sóc Trăng để mở tài khoản ngân hàng cho vợ chồng L và M thuê. Đồng thời, Huỳnh Văn T3, Văn Mỹ N2, Trần Quốc T1, chị Hà Thị Kim C, chị Lại Thị Hồng H1 tiếp tục vận động người khác mở tài khoản ngân hàng để thuê lại, sau đó cho vợ chồng L và M thuê lại với giá từ 1.500.000 đồng/tài khoản ngân hàng/tháng đến 2.000.000 đồng/tài khoản ngân hàng/tháng. Những người mở tài khoản ngân hàng sử dụng thông tin cá nhân của mình để mở tài khoản theo sự yêu cầu của người thuê, kèm theo số điện thoại đăng ký ứng dụng Internet Banking, sau khi mở xong các tài khoản ngân hàng thì giao số tài khoản, sim số điện thoại kèm theo, mật khẩu đăng nhập cho người thuê để người này cho người khác thuê lại để hưởng tiền chênh lệch. Các tài khoản ngân hàng được mở thuộc các ngân hàng: Ngân hàng thương mại cổ phần N6 (V3); Ngân hàng thương mại cổ phần Á (A); Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (B1); Ngân hàng thương mại cổ phần K4 (T16); Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (V4); Ngân hàng thương mại cổ phần C3 (V5); Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (P5); Ngân hàng thương mại cổ phần X1 (PGB); Ngân hàng thương mại cổ phần Q2 (N7); Ngân hàng thương mại Cổ phần H7 (M4); Ngân hàng thương mại Cổ phần N8; Ngân hàng thương mại Cổ phần S1 (S2).

Vào ngày 08/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D khám xét khẩn cấp nơi ở của Tăng Văn L và Trương Thị Quỳnh M phát hiện số lượng tài khoản ngân hàng hoạt động theo từng tháng không cố định. Tăng Văn L và Trương Thị Quỳnh M đã thu thập từ Huỳnh Văn T3, Trần Quốc T1, chị Lại Thị Hồng H1 và chị Hà Thị Kim C với số lượng 74 tài khoản ngân hàng đang hoạt động rồi cho P1 thuê lại và nhận số tiền từ việc cho thuê tài khoản ngân hàng từ P1 là 413.000.000 đồng. L và M đã chi trả số tiền thuê tài khoản ngân hàng là 93.500.000 đồng cho Trần Quốc T1, Huỳnh Văn T3, chị Lại Thị Hồng H1 để chi trả cho các chủ tài khoản ngân hàng đã cho thuê tài khoản ngân hàng. M và L còn trả các khoản chi phí khác như trả lại số tiền 8.000.000 đồng báo chuyển nhầm cho anh Nguyễn Trường G, chuyển cho bạn của P1 số tiền 50.000.000 đồng. Qua đó, L và M đã thu lợi số bất chính số tiền 261.500.000 đồng. Huỳnh Văn T3 đã thu thập cho L và M thuê 30 tài khoản ngân hàng đang hoạt động, nhận từ M số tiền 38.500.000 đồng, trả cho các chủ tài khoản ngân hàng đã thuê số tiền 19.000.000 đồng, tiền tài khoản ngân hàng của T3 cho thuê là 6.000.000 đồng, T3 thu lợi bất chính số tiền 13.500.000 đồng. Trần Quốc T1 đã thu thập cho L và M thuê 25 tài khoản ngân hàng đang hoạt động, nhận từ M số tiền 49.000.000 đồng, chi trả cho các chủ tài khoản ngân hàng đã thuê số tiền 25.000.000 đồng, T1 thu lợi bất chính số tiền 24.000.000 đồng. Chị Lại Thị Hồng H1 đã thu thập cho L và M thuê 08 tài khoản ngân hàng đang hoạt động, nhận từ M số tiền 6.000.000 đồng từ việc cho thuê tài khoản của H1, các tài khoản ngân hàng khác chưa nhận tiền.

Chị Hà Thị Kim C đã thu thập cho L và M thuê 11 tài khoản nhưng chưa nhận tiền.

Quá trình điều tra mở rộng xác định:

Đối với Trần Quốc T1, từ tháng 01 năm 2022 đến ngày 08/8/2023, T1 đã vận động 12 người mở 37 tài khoản ngân hàng để T1 thuê với số tiền 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng rồi T1 cho L và M thuê lại với số tiền 2.000.000 đồng/tài khoản/tháng. Các chủ tài khoản ngân hàng mà T1 thuê gồm: Nguyễn Viết V2 02 tài khoản, Nguyễn Thị Hồng H2 04 tài khoản, Nguyễn Huy Quốc T5 04 tài khoản, Nguyễn Huy Quốc C1 02 tài khoản, Lê Thị Cẩm G1 03 tài khoản, Trần Duy T6 03 tài khoản, Nguyễn Ngọc H3 01 tài khoản, Trịnh Hồng T7 01 tài khoản, Trần Thu H4 03 tài khoản, Lê Hữu D 07 tài khoản, Phạm Thị Ngọc N4 03 tài khoản, Nguyễn Ngọc T8 04 tài khoản. Tổng số tiền T1 nhận từ M từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 8 năm 2023 là 373.000.000 đồng, T1 đã chi trả cho các chủ tài khoản đã thuê là 190.500.000 đồng, T1 thu lợi bất chính số tiền 182.500.000 đồng.

Đối với Văn Mỹ N2, từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 7 năm 2023, N2 đã trực tiếp mở 06 tài khoản ngân hàng, đồng thời N2 đã vận động 10 người mở 27 tài khoản rồi cho M thuê với giá 2.000.000 đồng/01 tài khoản ngân hàng/tháng. Các tài khoản ngân hàng N9 thuê lại trả cho các chủ tài khoản với số tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.350.000 đồng/01 tài khoản/tháng. Tính đến ngày 08/8/2023, số lượng tài khoản ngân hàng N9 đã cho L và M thuê 06 tài khoản ngân hàng, trực tiếp thu thập của 10 người với 27 tài khoản ngân hàng gồm: Bùi Ngọc T4 01 tài khoản, Cù Minh T9 04 tài khoản, Hồ Thụy B 02 tài khoản, Lê Thanh T10 02 tài khoản, Nguyễn Thị H5 03 tài khoản, Nguyễn Thị Ngọc M1 04 tài khoản, Trần Thị Thanh T11 03 tài khoản, Nguyễn Thị Ngọc T12 03 tài khoản, Nguyễn Thị C2 01 tài khoản, Phạm Thùy T13 04 tài khoản để cho L và M1 thuê lại. Tổng số lượng tài khoản ngân hàng N9 cho L và M1 thuê là 33 tài khoản ngân hàng. Văn Mỹ N2 đã nhận từ M1 với số tiền 433.500.000 đồng, N2 đã chi trả cho các chủ tài khoản mà N2 đã thu thập (trong đó có 02 tài khoản ngân hàng của Bùi Ngọc T4 trực tiếp cho L và M1 thuê) và tài khoản của N2 cho M1 thuê với tổng số tiền 308.100.000 đồng, N2 thu lợi bất chính số tiền 85.400.000 đồng.

Đối với Huỳnh Văn T3, từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023, T3 đã trực tiếp mở 04 tài khoản ngân hàng cho L và M1 thuê nhưng do chị Dương Thị Tú P (vợ của T3) nhận tiền hàng tháng với tổng số tiền là 12.000.000 đồng. Đến tháng 4 năm 2023, T3 tiếp tục mở 02 tài khoản ngân hàng cho L và M1 thuê và đứng ra vận động 10 người mở 34 tài khoản ngân hàng gồm: Nguyễn Văn P2 04 tài khoản, Quách Thị Lê K3 04 tài khoản, Nguyễn Thanh T14 03 tài khoản, Thạch Thị M2

03 tài khoản, Lý Thị S 04 tài khoản, Lâm Thị X Quảng 02 tài khoản, L 04 tài khoản, Kim Huông 04 tài khoản; Quách Sô Ry Gia 04 tài khoản, Sơn Thị Vi N5 02 tài khoản rồi T3 thuê lại với giá 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng, sau đó T3 cho L và M1 thuê lại với giá 1.500.000 đồng/tài khoản/tháng. Tính đến ngày 08/8/2023, Huỳnh Văn T3 đã cho L và M1 thuê và thu thập trái phép tài khoản ngân hàng cho L và M1 thuê với số lượng 40 tài khoản. T3 đã nhận từ M1 số tiền 124.000.000 đồng, T3 đã chi trả cho các chủ tài khoản số tiền 55.000.000 đồng, tiền có được từ việc cho thuê tài khoản của T3 là 27.000.000 đồng, T3 thu lợi bất chính số tiền 42.000.000 đồng.

Đối với chị Hà Thị Kim C, từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 07 năm 2023 đã mở 02 tài khoản cho L và M1 thuê với giá 2.000.000 đồng/tài khoản/tháng. Đồng thời, C đã vận động 04 người mở 12 tài khoản ngân hàng để C thuê lại với giá 1.500.000 đồng/tài khoản/tháng, sau đó C cho L và M1 thuê lại với giá 2.000.000 đồng/tài khoản/tháng. Tính đến ngày 08/8/2023, chị Hà Thị Kim C đã cho L và M1 thuê 02 tài khoản, đồng thời vận động 04 người mở 12 tài khoản gồm Lâm Thị Hoàng O 04 tài khoản, Thái Thị Diễm M3 04 tài khoản, Lý Vĩnh P3 03 tài khoản, Nguyễn Thị Mỹ D1 01 tài khoản rồi cho L và M1 thuê lại, tổng cộng số tài khoản chị C cho thuê là 14 tài khoản. Chị C đã nhận tổng cộng số tiền từ M1 là 104.000.000 đồng, C chi trả cho các chủ tài khoản ngân hàng số tiền 52.500.000 đồng, tiền có được từ việc cho thuê tài khoản của C là 34.000.000 đồng, C thu lợi bất chính từ việc thu thập tài khoản của người khác là 17.500.000 đồng.

Đối với chị Lại Thị Hồng H1, vào tháng 4 năm 2022, chị H1 đã thu thập trái phép 07 tài khoản ngân hàng của người khác gồm Huỳnh Thị Cẩm T15 04 tài khoản, Huỳnh Thị Cẩm H6 03 tài khoản rồi cho L và M1 thuê lại với giá 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/tài khoản/tháng. Từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 6 năm 2023, chị H1 trực tiếp mở 04 tài khoản rồi cho M1 thuê với giá 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/tài khoản/tháng. Tính đến ngày 08/8/2023, tổng số tài khoản chị Lại Thị Hồng H1 cho thuê và thu thập của người khác rồi cho L và M1 thuê là 11 tài khoản. Chị Lại Thị Hồng H1 đã nhận từ M1 số tiền 63.000.000 đồng, chi trả các chủ tài khoản 34.000.000 đồng, tiền cho thuê tài khoản của chị H1 là 29.000.000 đồng, chị H1 không thu lợi từ bất chính từ việc thu thập tài khoản của người khác.

Đối với Tăng Văn L và Trương Thị Quỳnh M đã trực tiếp thuê (thu thập) 28 tài khoản của 07 người gồm: Kim Thị Yến V1 05 tài khoản, Dương Thị Tú P 03 tài khoản, Hà Chị K 02 tài khoản, Lại Thị Hồng H1 04 tài khoản, Văn Mỹ N 06

tài khoản ngân hàng, Bùi Ngọc T4 02 tài khoản, Huỳnh Văn T3 06 tài khoản ngân hàng. Đồng thời, L và M thông qua Huỳnh Văn T3, Văn Mỹ N2, Trần Quốc T1, chị Hà Thị Kim C, chị Lại Thị Hồng H1 thuê (thu thập) 117 tài khoản ngân hàng. Như vậy, trong thời gian từ tháng 12 năm 2021 đến ngày 08/8/2023, Trương Thị Quỳnh M và Tăng Văn L đã thu thập trái phép thông tin về tài khoản với số lượng 145 tài khoản ngân hàng của 43 người rồi cho người có tên P1 thuê lại. Tổng cộng số tiền mà Trương Thị Quỳnh M và Tăng Văn L đã nhận tiền từ P1 là 2.497.000.000 đồng, L và M đã chi trả cho Huỳnh Văn T3, Văn Mỹ N2, Trần Quốc T1, chị Hà Thị Kim C, chị Lại Thị Hồng H1, chị Dương Thị Tú P, chị Kim Thị Yến V1, chị Bùi Ngọc T4 và các chủ tài khoản với tổng số tiền 1.193.500.000 đồng, M và L đã thu lợi bất chính số tiền 1.303.500.000 đồng.

Ngày 14/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, tỉnh Trà Vinh ra quyết định khởi tố vụ án; ngày 15/8/2023 ra quyết định khởi tố bị cáo, lệnh tạm giam đối với Tăng Văn L, khởi tố bị cáo và cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trương Thị Quỳnh M và Huỳnh Văn T3; đến ngày 26/9/2023 ra quyết định khởi tố bị cáo và cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Quốc T1 và Văn Mỹ N2 về hành vi Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng, theo quy định tại Điều 291 Bộ luật Hình sự để điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra đã chứng minh được các bị cáo Tăng Văn L và Trương Thị Quỳnh M đã phạm vào tội Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Quốc T1 và Văn Mỹ N2 đã phạm vào tội Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 291 Bộ luật Hình sự; bị cáo Huỳnh Văn T3 đã phạm vào tội Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng, theo quy định tại khoản 1 Điều 291 Bộ luật Hình sự.

Cụ thể:

Huỳnh Văn T3 đã thu thập trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của 10 người với số lượng 34 tài khoản ngân hàng rồi cho L và M thuê lại, sau khi đã trừ các khoản chi phí T3 thu lợi bất chính số tiền 42.000.000 đồng.

Văn Mỹ N2 đã thu thập trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của 10 người với 27 tài khoản ngân hàng để cho L và M thuê lại, sau khi trừ các khoản chi phí N2 thu lợi bất chính số tiền 85.400.000 đồng.

Trần Quốc T1 đã thu thập trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của 12 người với 37 tài khoản ngân hàng để cho L và M thuê lại, sau khi trừ các khoản chi phí T1 thu lợi bất chính số tiền 182.500.000 đồng.

Tăng Văn L là người trực tiếp liên hệ trao đổi với P1, cuối tháng trực tiếp đối chiếu số lượng tài khoản ngân hàng đang hoạt động và tính toán số tiền cho thuê tài khoản ngân hàng, còn Trương Thị Quỳnh M là người trực tiếp chi trả tiền cho Huỳnh Văn T3, Văn Mỹ N2, Trần Quốc T1 và những người khác đã thu thập trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng. Tăng Văn L và Trương Thị Quỳnh M thông qua Huỳnh Văn T3, Văn Mỹ N2, Trần Quốc T1 và những người khác đã thu thập trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của 43 người với 145 tài khoản ngân hàng rồi cho người có tên P1 thuê lại, sau khi trừ các chi phí L và M thu lợi bất chính số tiền 1.303.500.000 đồng.

Đối với người có tên P1 trực tiếp thuê tài khoản ngân hàng do Tăng Văn L và Trương Thị Quỳnh M cung cấp. Quá trình điều tra, L và M chỉ biết người này có tên thường gọi là Panda, có quốc tịch Singapore, không biết rõ họ tên, nơi cư trú cụ thể, liên lạc qua mạng xã hội, các tài khoản ngân hàng chuyển trả tiền cho L không xác định được do P1 sử dụng nên chưa làm việc được với người có tên P1, khi nào xác minh làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

Đối với chị Hà Thị Kim C và chị Lại Thị Hồng H1 có hành vi thu thập trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác rồi cho L và M thuê lại. Tuy nhiên, số lượng tài khoản ngân hàng do chị C thu thập là 12 tài khoản, chị H1 thu thập là 07 tài khoản chưa đủ 20 tài khoản ngân hàng, số tiền thu lợi bất chính chưa đủ 20.000.000 đồng, vai trò của từng người riêng lẻ không đồng phạm với L và M nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị Hà Thị Kim C và chị Lại Thị Hồng H1.

Đối với những cá nhân là chủ tài khoản ngân hàng đã cho các bị cáo thuê. Quá trình điều tra xác định những cá nhân này có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không biết việc mở tài khoản ngân hàng cho thuê là vi phạm pháp luật, không biết tài khoản ngân hàng của mình cho thuê được sử dụng vào mục đích gì nên không xem xét xử lý và yêu cầu chủ tài khoản khoá các tài khoản ngân hàng đã mở cho thuê.

Riêng tài khoản ngân hàng V3 số 1021440719 mang tên Huỳnh Văn T3 nhận số tiền 8.000.000 đồng của bị hại Nguyễn Trường G tố giác bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản vào ngày 22/12/2022. Quá trình điều tra xác định tài khoản ngân hàng trên do Huỳnh Văn T3 sử dụng thông tin cá nhân để mở rồi cho L và M thuê. Sau

đó, L và M cho người có tên P1 thuê lại. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã chứng minh T3, L và M không liên quan đến hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Trường G. Mặt khác, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D không chứng minh được ai là người sử dụng tài khoản ngân hàng V3 số 1021440719 để nhận tiền lừa đảo, không chứng minh được người thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên chưa đủ căn cứ để xem xét xử lý hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện nay, tài khoản ngân hàng V3 số 1021440719 đã được Huỳnh Văn T3 đóng, đồng thời Tăng Văn L và Trương Thị Quỳnh M đã tự nguyện hỗ trợ số tiền 8.000.000 đồng để trả lại cho anh Nguyễn Trường G và anh G đã nhận lại tiền, không còn yêu cầu gì khác.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D tạm giữ:

- 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng, số Imei 354411061605573, đã qua sử dụng.

- 01(một) điện thoại hiệu Realme màu xanh, đã qua sử dụng, số Imei 1: 860722042514438.

- 01 (một) điện thoại hiệu Samsung màu xanh ngọc, số Imei 1: 352828297907733/01.

- 01 (một) Laptop hiệu Dell màu đen, số Seri: 2838875206, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu S3, số seri R5GC1GQJDY; IMEI (K): 353842199175132; IMEI1 (K): 354708209175132, màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Vivo, số Imel1: 865652057221774, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động màu trắng nhãn hiệu Oppo, số imel1: 860169041023179, đã qua sử dụng.

- 01 (một) thẻ ngân hàng T16 mang tên Văn Mỹ N2, số thẻ 9704079941544029.

- 01 (một) thẻ ngân hàng T16 mang tên Lại Thị Hồng H1, số thẻ 4221498694030496.

- 01 (một) thẻ ngân hàng V4 mang tên Nguyễn Thị Ngọc M1, số thẻ 5318280008462644.

- 01 (một) thẻ ngân hàng V6 mang tên Văn Mỹ N2, số thẻ 9704150127438631.

- 01 (một) thẻ ngân hàng V6 mang tên Trương Thị Quỳnh M, số thẻ 9704150115460738.

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 25092021 (không gắn sim).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 03112021 (có gắn một sim, trên sim có ghi dãy số 898402000).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 03112021 (có gắn một sim, trên sim có ghi dãy số 8401210833976553).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 22032019 (không gắn sim).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 16112023 (không gắn sim).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 13032018 (không gắn sim).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 11102016 (có gắn một sim, trên sim có ghi dãy số 8401161051833992).

- 02 (hai) thẻ nhựa có dòng chữ mobifone, màu xanh.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V3 số thẻ 9704368622494892016, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V6 số thẻ 9704150144147272, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A1 số thẻ 9704053064024671, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng VIB số thẻ 9704416811550479410, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A Số TK 29925497, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng S2 số thẻ 5174160002022516, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng S2 số thẻ 3564800009426664, tên Huỳnh Văn T3 (02/17 - 02/20)

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng S2 số thẻ 3564800009426664, tên Huỳnh Văn T3 (02/20 – 02/23)

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng S2 số thẻ 9704030178591753, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V3 số thẻ 4524041896452458, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng T16 số thẻ 9704079945052318, tên Lâm Thị Xa Q.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số TK 33609707, tên Lâm Thị Xa Q

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng B1 số thẻ 9704186880004104948, tên Lâm Thị Xa Q.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V3 số thẻ 9704368626943664017, tên Lâm Thị Xa Q.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng T16 số thẻ 9704079983060140, tên Q3

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số thẻ 9704162472097607, tên Quách Sô Ry Gia .

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng S2 số thẻ 9704035353743244.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số thẻ 4221094302952716, tên Nguyễn Văn P2.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số thẻ 4293 8902 0750 0648, tên Sơn Thị Vi N5.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số TK 33633957, tên Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng B1 số thẻ 9704186880003959326, tên Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng VIB số thẻ 5318289903751670, tên Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng T16 số thẻ 4780970081377113, tên Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V3 số thẻ 9704368626951595012, tên Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng T16 số thẻ 4780970022619177, tên Nguyễn Thanh T14.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V3 số thẻ 9704368614588500019, tên Nguyễn Thanh T14.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng B1 số thẻ 9704186880003539227, tên Nguyễn Thanh T14.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng T16 số thẻ 9704079997482462, tên Lý P4.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số thẻ 9704 1624 7209 6781, tên Lý P4.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 27390221, Số TK 1786302544, tên tài khoản SON THI VI NA.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 22494892, Số TK 1032890949, tên tài khoản HUYNH VAN TAM.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 27418213, Số TK 1039544957, tên tài khoản QUACH SO RY GIA.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 26943664, Số TK 10327557233 tên tài khoản LAM THI XA QUANG.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 25826441, Số TK 1032891194 tên tài khoản DUONG THI TU PHUNG.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 26951995, Số TK 1037600304 tên tài khoản LY THI SIENG.

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng cá nhân B1, kích thước 9 cm x 5 cm, Số TK 74210000887654 tên tài khoản Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng cá nhân B1, kích thước 9 cm x 5 cm, Số TK 74210000810252 tên tài khoản Dương Thị Tú P.

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng cá nhân B1, kích thước 9 cm x 5 cm, Số TK 74210000904003 tên tài khoản Quách Sô Ry Gia .

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng cá nhân B1, kích thước 9 cm x 5 cm, Số TK 74210000810243 tên tài khoản Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ tài khoản A, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, Số TK 33633957 tên tài khoản Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ tài khoản A, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, Số TK 29935257 tên tài khoản Dương Thị Tú P.

- 01 (một) thẻ tài khoản A, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, Số TK 29925497 tên tài khoản Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ thông tin về tài khoản S2, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, Số TK 070112930416 tên tài khoản Dương Thị Tú P.

- 01 (một) thẻ thông tin về tài khoản S2, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, Số TK 070039252846 tên tài khoản Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ thông tin khách hàng T16, kích thước 9 cm x 5,5 cm, Số TK 19050120751016, tên tài khoản Quách Sô Ry Gia .

- 01 (một) thẻ thông tin khách hàng T16, kích thước 9 cm x 5,5 cm, Số TK 19050121396015, tên tài khoản Thạch Thị M2.

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng V4, kích thước 9 cm x 5,5 cm, Số TK 782541381, tên tài khoản Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng V4, kích thước 9 cm x 5,5 cm, Số TK 037426502, tên tài khoản Thạch Thị M2.

- 01 (một) thẻ giấy kích thước 8 cm x 6,5 cm, bên trên có ghi số điện thoại 0786360614.

- Tiền Việt Nam: Số tiền 133.500.000 đồng, trong này có 47.000.000 đồng được thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Tăng Văn L và Trương Thị Quỳnh M; chị Hà Thị Kim C đã tự nguyện nộp lại số tiền 15.000.000 đồng thu lợi bất chính; Trương Thị Quỳnh M và Tăng Văn L đã tự nguyện nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính với số tiền của mỗi người là 10.000.000 đồng; Trần Quốc T1 đã tự nguyện nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính số tiền 5.000.000 đồng; Huỳnh Văn T3 đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 46.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKSDH ngày 07/05/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Tăng Văn L và bị cáo Trương Thị Quỳnh M về tội "Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Trần Quốc T1 và bị cáo Văn Mỹ N2 về tội "Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 291 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Huỳnh Văn T3 về tội "Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng" theo quy định tại khoản 1 Điều 291 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Tăng Văn L, Trương Thị Quỳnh M, Trần Quốc T1, Văn Mỹ N2, Huỳnh Văn T3 khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo và thừa nhận Bản cáo trạng mô tả và truy tố các bị cáo về tội "Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài

khoản ngân hàng" là đúng với hành vi của các bị cáo thực hiện, các bị cáo không bổ sung tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên Bản cáo trạng số 17/CT-VKSDH ngày 07/05/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Tăng Văn L và bị cáo Trương Thị Quỳnh M về tội "Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Trần Quốc T1 và bị cáo Văn Mỹ N2 về tội "Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 291 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Huỳnh Văn T3 về tội "Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng" theo quy định tại khoản 1 Điều 291 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và phân tích về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 291, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Tăng Văn L từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng về tội "Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng".

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 291, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35 Điều 58 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Trương Thị Quỳnh M từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng về tội "Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 291, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35 Điều 58 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Quốc T1 từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng về tội "Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 291, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Văn Mỹ N2 từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng về tội "Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng".

Áp dụng khoản 1 Điều 291, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T3 từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng về tội "Thu

thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng".

Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý tiền thu lợi bất chính, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo Tăng Văn L: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trương Thị Quỳnh M: Bị cáo đã ăn năn hối cải hành vi phạm tội của bị cáo, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Trần Quốc T1, Văn Mỹ N2, Huỳnh Văn T3: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, 05 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình điều tra đã có lời khai làm rõ và trong đơn xét xử vắng mặt đã thể hiện rõ yêu cầu của họ, việc họ vắng mặt không ảnh hưởng đến nội dung và quyền lợi của những người tham gia tố tụng, căn cứ vào quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Đối với bị cáo Tăng Văn L và bị cáo Trương Thị Quỳnh M: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Tăng Văn L và bị cáo Trương Thị Quỳnh M khai và thừa nhận: Vào cuối năm 2021 bị cáo L và bị cáo M mở tài khoản ngân hàng và tìm người mở tài khoản ngân hàng để thuê rồi cho người đàn ông tên P1 quốc tịch Singapore thuê lại để lấy tiền chênh lệch. Bị cáo L và bị cáo M liên hệ với bị cáo Huỳnh Văn T3, bị cáo Văn Mỹ N2, bị cáo Trần Quốc T1, chị Hà Thị Kim C, chị Lại Thị Hồng H1, chị Dương Thị Tú P, chị Bùi Ngọc T4, chị Kim Ngọc Yến V nhằm mở thêm các tài khoản ngân hàng để cho bị cáo L và bị cáo M thuê lại. Tổng số tài khoản ngân hàng mà bị cáo L và bị cáo M thu thập trái phép là 145 tài khoản thu lợi bất chính 1.303.500.000 đồng.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Trần Quốc T1, bị cáo Văn Mỹ N2, bị cáo Huỳnh Văn T3 khai nhận sau khi được bị cáo T1 và bị cáo M liên hệ về việc mở tài khoản ngân hàng để cho thuê, thì các bị cáo đã trực tiếp mở các tài khoản

ngân hàng, đồng thời vận động thêm nhiều người khác để mở các tài khoản ngân hàng với mục đích cho các bị cáo thuê lại và sau đó đưa các tài khoản này cho bị cáo L và bị cáo M thuê để hưởng tiền chênh lệch. Cụ thể bị cáo Trần Quốc T1 đã vận động 12 người mở 37 tài khoản thu lợi bất chính số tiền 182.500.000 đồng, bị cáo Văn Mỹ N2 đã trực tiếp mở 06 tài khoản, vận đồng 10 người mở 27 tài khoản thu lợi bất chính số tiền 85.400.000 đồng, bị cáo Huỳnh Văn T3 vận đồng 10 người mở 34 tài khoản thu lợi bất chính 42.000.000 đồng.

Đối với người đàn ông tên P1, quốc tịch Singapore trực tiếp thuê tài khoản ngân hàng do bị cáo L và bị cáo M cung cấp, không biết rõ họ tên, nơi cư trú cụ thể, khi nào xác minh được sẽ xem xét xử lý sau. Đối với chi Hà Thị Kim C và chị Lại Thị Hồng H1 có hành vi thu thập trái phép thông tin tài khoản ngân hàng của người khác, tuy nhiên số lượng tài khoản thu thập và số tiền thu lợi bất chính chưa đủ định lượng nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Tăng Văn L và bị cáo Trương Thị Quỳnh M về tội "Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Trần Quốc T1 và bị cáo Văn Mỹ N2 về tội "Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 291 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Huỳnh Văn T3 về tội "Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng" theo quy định tại khoản 1 Điều 291 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với hành vi các bị cáo thực hiện và đúng quy định của pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền được bảo vệ về bí mật thông tin của cá nhân, xâm phạm trật tự, an toàn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và tạo điều kiện cho việc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý phạm tội, vì mục đích vụ lợi cho bản thân. Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện thái độ xem thường pháp luật, kỷ cương nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, làm cho quần chúng nhân dân không an tâm lao động, sản xuất. Do vậy cần xử phạt các bị cáo thật nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phục vụ cho công tác đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm này.

[5] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu; bị cáo L, bị cáo M và bị cáo T1 tự nguyện nộp khắc phục một phần tiền thu lợi bất chính, bị cáo T3 tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về biện pháp Tư pháp và xử lý vật chứng:

*** Về biện pháp tư pháp:**

Đối với số tiền mà các bị cáo thu lợi bất chính khi thực hiện hành vi phạm tội xét thấy các bị cáo phải nộp lại số tiền này.

- Buộc bị cáo Tăng Văn L nộp lại số tiền 518.250.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Trương Thị Quỳnh M nộp số tiền 518.250.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Trần Quốc T1 nộp số tiền 177.500.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Văn Mỹ N2 nộp số tiền 85.400.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

*** Về xử lý vật chứng:**

Đối với các vật chứng mà các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội xét thấy cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước đối với:

- 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng, số Imei 354411061605573, đã qua sử dụng.

- 01(một) điện thoại hiệu Realme màu xanh, đã qua sử dụng, số Imei 1: 860722042514438.

- 01 (một) điện thoại hiệu Samsung màu xanh ngọc, số Imei 1: 352828297907733/01.

- 01 (một) Laptop hiệu Dell màu đen, số Seri: 2838875206, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu S3, số seri R5GC1GQJDY; IMEI (K): 353842199175132; IMEI1 (K): 354708209175132, màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Vivo, số Imel1: 865652057221774, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động màu trắng nhãn hiệu Oppo, số imel1: 860169041023179, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: đối với số tiền 47.000.000 đồng mà cơ quan điều tra thu giữ được trong quá trình khám xét nơi ở của Tăng Văn L và Trương Thị Quỳnh M; trong giai đoạn điều tra chị Hà Thị Kim C đã tự nguyện nộp lại số tiền 15.000.000 đồng; Trương Thị Quỳnh M và Tăng Văn L đã tự nguyện nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính với số tiền của mỗi người là 10.000.000 đồng; Trần Quốc T1 đã tự nguyện nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính số tiền 5.000.000 đồng; Huỳnh Văn T3 đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 42.000.000 đồng.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Huỳnh Văn T3 là 42.000.000 đồng nhưng bị cáo nộp 46.500.000 đồng cho nên trả lại cho bị cáo số tiền 4.500.000 đồng.

- Giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý số tiền 100.000.000 đồng mà bị cáo Tăng Văn L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000876 nộp ngày 7/6/2024; số tiền 100.000.000 đồng mà bị cáo Trương Thị Quỳnh M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000877 nộp ngày 7/6/2024 để đảm bảo thi hành án.

Xét thấy những vật chứng là các thẻ ngân hàng loại thẻ cứng do các ngân hàng cấp, 01 thể giấy ghi số điện thoại và các sim điện thoại không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy đối với:

- 01 (một) thẻ ngân hàng T16 mang tên Văn Mỹ N2, số thẻ 9704079941544029.

- 01 (một) thẻ ngân hàng T16 mang tên Lại Thị Hồng H1, số thẻ 4221498694030496.

- 01 (một) thẻ ngân hàng V4 mang tên Nguyễn Thị Ngọc M1, số thẻ 5318280008462644.

- 01 (một) thẻ ngân hàng V6 mang tên Văn Mỹ N2, số thẻ 9704150127438631.

- 01 (một) thẻ ngân hàng V6 mang tên Trương Thị Quỳnh M, số thẻ 9704150115460738.

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 25092021 (không gắn sim).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 03112021 (có gắn một sim, trên sim có ghi dãy số 898402000).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 03112021 (có gắn một sim, trên sim có ghi dãy số 8401210833976553).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 22032019 (không gắn sim).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 16112023 (không gắn sim).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 13032018 (không gắn sim).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 11102016 (có gắn một sim, trên sim có ghi dãy số 8401161051833992).

- 02 (hai) thẻ nhựa có dòng chữ mobifone, màu xanh.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V3 số thẻ 9704368622494892016, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V6 số thẻ 9704150144147272, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A1 số thẻ 9704053064024671, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng VIB số thẻ 9704416811550479410, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A Số TK 29925497, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng S2 số thẻ 5174160002022516, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng S2 số thẻ 3564800009426664, tên Huỳnh Văn T3 (02/17 - 02/20)

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng S2 số thẻ 3564800009426664, tên Huỳnh Văn T3 (02/20 – 02/23)

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng S2 số thẻ 9704030178591753, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V3 số thẻ 4524041896452458, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng T16 số thẻ 9704079945052318, tên Lâm Thị Xa Q.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số TK 33609707, tên Lâm Thị Xa Q

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng B1 số thẻ 9704186880004104948, tên Lâm Thị Xa Q.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V3 số thẻ 9704368626943664017, tên Lâm Thị Xa Q.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng T16 số thẻ 9704079983060140, tên Q3

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số thẻ 9704162472097607, tên Quách Sô Ry Gia .

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng S2 số thẻ 9704035353743244.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số thẻ 4221094302952716, tên Nguyễn Văn P2.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số thẻ 4293 8902 0750 0648, tên Sơn Thị Vi N5.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số TK 33633957, tên Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng B1 số thẻ 9704186880003959326, tên Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng VIB số thẻ 5318289903751670, tên Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng T16 số thẻ 4780970081377113, tên Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V3 số thẻ 9704368626951595012, tên Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng T16 số thẻ 4780970022619177, tên Nguyễn Thanh T14.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V3 số thẻ 9704368614588500019, tên Nguyễn Thanh T14.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng B1 số thẻ 9704186880003539227, tên Nguyễn Thanh T14.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng T16 số thẻ 9704079997482462, tên Lý P4.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số thẻ 9704 1624 7209 6781, tên Lý P4.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 27390221, Số TK 1786302544, tên tài khoản SON THI VI NA.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 22494892, Số TK 1032890949, tên tài khoản HUYNH VAN TAM.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 27418213, Số TK 1039544957, tên tài khoản QUACH SO RY GIA.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 26943664, Số TK 10327557233 tên tài khoản LAM THI XA QUANG.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 25826441, Số TK 1032891194 tên tài khoản DUONG THI TU PHUNG.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 26951995, Số TK 1037600304 tên tài khoản LY THI SIENG.

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng cá nhân B1, kích thước 9 cm x 5 cm, Số TK 74210000887654 tên tài khoản Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng cá nhân B1, kích thước 9 cm x 5 cm, Số TK 74210000810252 tên tài khoản Dương Thị Tú P.

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng cá nhân B1, kích thước 9 cm x 5 cm, Số TK 74210000904003 tên tài khoản Quách Sô Ry Gia .

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng cá nhân B1, kích thước 9 cm x 5 cm, Số TK 74210000810243 tên tài khoản Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ tài khoản A, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, Số TK 33633957 tên tài khoản Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ tài khoản A, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, Số TK 29935257 tên tài khoản Dương Thị Tú P.

- 01 (một) thẻ tài khoản A, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, Số TK 29925497 tên tài khoản Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ thông tin về tài khoản S2, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, Số TK 070112930416 tên tài khoản Dương Thị Tú P.

- 01 (một) thẻ thông tin về tài khoản S2, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, Số TK 070039252846 tên tài khoản Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ thông tin khách hàng T16, kích thước 9 cm x 5,5 cm, Số TK 19050120751016, tên tài khoản Quách Sô Ry Gia .

- 01 (một) thẻ thông tin khách hàng T16, kích thước 9 cm x 5,5 cm, Số TK 19050121396015, tên tài khoản Thạch Thị M2.

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng V4, kích thước 9 cm x 5,5 cm, Số TK 782541381, tên tài khoản Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng V4, kích thước 9 cm x 5,5 cm, Số TK 037426502, tên tài khoản Thạch Thị M2.

- 01 (một) thẻ giấy kích thước 8 cm x 6,5 cm, bên trên có ghi số điện thoại 0786360614.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đề nghị là phù hợp với quy định pháp luật cũng như nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Tăng Văn L, bị cáo Trương Thị Quỳnh M, bị cáo Trần Quốc T1, bị cáo Văn Mỹ N2, bị cáo Huỳnh Văn T3 phạm tội "Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng".

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 291, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tăng Văn L 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Trương Thị Quỳnh M 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 291, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T1 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 291, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Văn Mỹ N2 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 291, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T3 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2. Về biện pháp Tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Về biện pháp tư pháp:**

- Buộc bị cáo Tăng Văn L nộp số tiền thu lợi bất chính là 518.250.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Trương Thị Quỳnh M nộp số tiền thu lợi bất chính là 518.250.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Trần Quốc T1 nộp số tiền thu lợi bất chính là 177.500.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Văn Mỹ N2 nộp số tiền thu lợi bất chính là 85.400.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

*** Về xử lý vật chứng:**

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước đối với:

- 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng, số Imei 354411061605573, đã qua sử dụng.

- 01(một) điện thoại hiệu Realme màu xanh, đã qua sử dụng, số Imei 1: 860722042514438.

- 01 (một) điện thoại hiệu Samsung màu xanh ngọc, số Imei 1: 352828297907733/01.

- 01 (một) Laptop hiệu Dell màu đen, số Seri: 2838875206, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu S3, số seri R5GC1GQJDY; IMEI (K): 353842199175132; IMEI1 (K): 354708209175132, màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Vivo, số Imel1: 865652057221774, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động màu trắng nhãn hiệu Oppo, số imel1: 860169041023179, đã qua sử dụng.

- Tiền Việt Nam: 47.000.000 đồng được thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của Tăng Văn L và Trương Thị Quỳnh M; trong giai đoạn điều tra chị Hà Thị Kim C đã tự nguyện nộp lại số tiền 15.000.000 đồng thu lợi bất chính; Trương Thị Quỳnh M và Tăng Văn L đã tự nguyện nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính với số tiền của mỗi người là 10.000.000 đồng; Trần Quốc T1 đã tự nguyện nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính số tiền 5.000.000 đồng; Huỳnh Văn T3 đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 42.000.000 đồng.

- Giao trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn T3 số tiền 4.500.000 đồng.

- Giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý số tiền 100.000.000 đồng mà bị cáo Tăng Văn L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000876 nộp ngày 7/6/2024; số tiền 100.000.000 đồng mà bị cáo Trương Thị Quỳnh M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000877 nộp ngày 7/6/2024 để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu và tiêu hủy đối với:

- 01 (một) thẻ ngân hàng T16 mang tên Văn Mỹ N2, số thẻ 9704079941544029.

- 01 (một) thẻ ngân hàng T16 mang tên Lại Thị Hồng H1, số thẻ 4221498694030496.

- 01 (một) thẻ ngân hàng V4 mang tên Nguyễn Thị Ngọc M1, số thẻ 5318280008462644.

- 01 (một) thẻ ngân hàng V6 mang tên Văn Mỹ N2, số thẻ 9704150127438631.

- 01 (một) thẻ ngân hàng V6 mang tên Trương Thị Quỳnh M, số thẻ 9704150115460738.

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 25092021 (không gắn sim).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 03112021 (có gắn một sim, trên sim có ghi dãy số 898402000).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 03112021 (có gắn một sim, trên sim có ghi dãy số 8401210833976553).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 22032019 (không gắn sim).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 16112023 (không gắn sim).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 13032018 (không gắn sim).

- 01 (một) thẻ sim Mobifone có số 11102016 (có gắn một sim, trên sim có ghi dãy số 8401161051833992).

- 02 (hai) thẻ nhựa có dòng chữ mobifone, màu xanh.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V3 số thẻ 9704368622494892016, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V6 số thẻ 9704150144147272, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A1 số thẻ 9704053064024671, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng VIB số thẻ 9704416811550479410, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A Số TK 29925497, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng S2 số thẻ 5174160002022516, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng S2 số thẻ 3564800009426664, tên Huỳnh Văn T3 (02/17 - 02/20)

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng S2 số thẻ 3564800009426664, tên Huỳnh Văn T3 (02/20 – 02/23)

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng S2 số thẻ 9704030178591753, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V3 số thẻ 4524041896452458, tên Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng T16 số thẻ 9704079945052318, tên Lâm Thị Xa Q.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số TK 33609707, tên Lâm Thị Xa Q

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng B1 số thẻ 9704186880004104948, tên Lâm Thị Xa Q.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V3 số thẻ 9704368626943664017, tên Lâm Thị Xa Q.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng T16 số thẻ 9704079983060140, tên Q3

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số thẻ 9704162472097607, tên Quách Sô Ry Gia .

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng S2 số thẻ 9704035353743244.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số thẻ 4221094302952716, tên Nguyễn Văn P2.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số thẻ 4293 8902 0750 0648, tên Sơn Thị Vi N5.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số TK 33633957, tên Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng B1 số thẻ 9704186880003959326, tên Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng VIB số thẻ 5318289903751670, tên Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng T16 số thẻ 4780970081377113, tên Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V3 số thẻ 9704368626951595012, tên Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng T16 số thẻ 4780970022619177, tên Nguyễn Thanh T14.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng V3 số thẻ 9704368614588500019, tên Nguyễn Thanh T14.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng B1 số thẻ 9704186880003539227, tên Nguyễn Thanh T14.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng T16 số thẻ 9704079997482462, tên Lý P4.

- 01 (một) thẻ rút tiền ngân hàng A số thẻ 9704 1624 7209 6781, tên Lý P4.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 27390221, Số TK 1786302544, tên tài khoản SON THI VI NA.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 22494892, Số TK 1032890949, tên tài khoản HUYNH VAN TAM.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 27418213, Số TK 1039544957, tên tài khoản QUACH SO RY GIA.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 26943664, Số TK 10327557233 tên tài khoản LAM THI XA QUANG.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 25826441, Số TK 1032891194 tên tài khoản DUONG THI TU PHUNG.

- 01 (một) thẻ khách hàng V3, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, số HSKH 26951995, Số TK 1037600304 tên tài khoản LY THI SIENG.

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng cá nhân B1, kích thước 9 cm x 5 cm, Số TK 74210000887654 tên tài khoản Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng cá nhân B1, kích thước 9 cm x 5 cm, Số TK 74210000810252 tên tài khoản Dương Thị Tú P.

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng cá nhân B1, kích thước 9 cm x 5 cm, Số TK 74210000904003 tên tài khoản Quách Sô Ry Gia .

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng cá nhân B1, kích thước 9 cm x 5 cm, Số TK 74210000810243 tên tài khoản Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ tài khoản A, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, Số TK 33633957 tên tài khoản Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ tài khoản A, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, Số TK 29935257 tên tài khoản Dương Thị Tú P.

- 01 (một) thẻ tài khoản A, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, Số TK 29925497 tên tài khoản Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ thông tin về tài khoản S2, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, Số TK 070112930416 tên tài khoản Dương Thị Tú P.

- 01 (một) thẻ thông tin về tài khoản S2, kích thước 8,5 cm x 5,5 cm, Số TK 070039252846 tên tài khoản Huỳnh Văn T3.

- 01 (một) thẻ thông tin khách hàng T16, kích thước 9 cm x 5,5 cm, Số TK 19050120751016, tên tài khoản Quách Sô Ry Gia .

- 01 (một) thẻ thông tin khách hàng T16, kích thước 9 cm x 5,5 cm, Số TK 19050121396015, tên tài khoản Thạch Thị M2.

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng V4, kích thước 9 cm x 5,5 cm, Số TK 782541381, tên tài khoản Lý Thị S.

- 01 (một) thẻ tài khoản khách hàng V4, kích thước 9 cm x 5,5 cm, Số TK 037426502, tên tài khoản Thạch Thị M2.

- 01 (một) thẻ giấy kích thước 8 cm x 6,5 cm, bên trên có ghi số điện thoại 0786360614.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Tăng Văn L, bị cáo Trương Thị Quỳnh M, bị cáo Trần Quốc T1, bị cáo Văn Mỹ N2, bị cáo Huỳnh Văn T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Yên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- Công an huyện Duyên Hải;
- Chi cục THADS huyện Duyên Hải;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án.